TRƯỜNG ĐẠI HỌC GTVT
HĐTS LIÊN THÔNG, BẰNG HAI

KẾT QUẢ THI TUYỂN SINH
HỆ LIÊN THÔNG CHÍNH QUY NĂM 2019

Ngành: Công nghệ thông tin
Phòng thi số: 01

Địa điểm: P.701 Nhà A2

STT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Môn Toán	Môn Cơ sở	Môn Chuyên ngành	Ghi chú
1	1901	Cấn Tuấn Anh	Nam	03/09/1997	9,50	7,00	6,50	
2	1902	Võ Duy Anh	Nam	04/07/1998	9,50	6,00	7,00	
3	1903	Lê Thị Ngọc Ánh	Nữ	25/11/1995	9,50	6,00	8,00	
4	1904	Nguyễn Hữu Chung	Nam	20/11/1997	9,50	8,50	8,50	
5	1905	Lưu Mạnh Cường	Nam	30/05/1988	8,50	6,00	6,00	
6	1906	Nguyễn Văn Cường	Nam	25/10/1997	8,50	8,50	8,50	
7	1907	Nguyễn Văn Duy	Nam	16/05/1994	9,00	5,50	7,50	
8	1908	Nguyễn Đông Dương	Nam	30/09/1998	9,00	7,50	7,50	
9	1909	Vũ Hoàng Dương	Nam	28/12/1991	8,00	7,50	7,50	
10	1910	Lưu Quang Đảng	Nam	22/09/1996	9,50	5,50	6,50	
11	1911	Nguyễn Thanh Giang	Nam	06/09/1998	9,00	7,50	8,50	
12	1912	Đặng Văn Hạnh	Nam	16/11/1994	7,00	8,50	8,00	
13	1913	Ngọc Văn Hệ	Nam	08/08/1993	9,00	8,00	7,50	
14	1914	Nguyễn Thế Hiển	Nam	30/12/1989	9,00	8,00	6,50	
15	1915	Nguyễn Công Hoàng	Nam	26/11/1992	9,50	5,50	7,00	
16	1916	Vũ Quang Huy	Nam	06/06/1997	9,00	5,50	6,50	
17	1917	Tiết Nhật Hưng	Nam	12/04/1997	8,00	8,00	7,50	
18	1918	Lê Văn Hưởng	Nam	05/12/1991	8,00	8,00	8,50	
19	1919	Nguyễn Trung Kiên	Nam	24/10/1991	9,00	8,50	8,50	
20	1920	Hoàng Đức Lâm	Nam	02/12/1986	9,50	7,50	8,50	
21	1921	Đinh Thị Loan	Nữ	28/01/1994	7,00	6,00	8,00	
22	1922	Nguyễn Thị Như Nhật	Nữ	13/09/1995	9,50	5,50	8,50	
23	1923	Dương Đình Phúc	Nam	05/12/1998	9,50	5,50	8,50	
24	1924	Giang Văn Quang	Nam	24/06/1987	9,50	7,50	7,00	
25	1925	Đỗ Ngọc Sang	Nam	17/02/1997	9,00	8,50	8,50	
26	1926	Lê Văn Sơn	Nam	12/12/1998	9,50	8,00	8,00	
27	1927	Nguyễn Thanh Sơn	Nam	24/11/1998	9,50	5,50	6,00	
28	1928	Cồ Chí Thành	Nam	03/12/1997	9,50	5,50	6,50	
29	1929	Đỗ Tất Thành	Nam	19/10/1998	9,00	5,50	6,50	
30	1930	Khà Văn Thành	Nam	31/10/1993	9,00	5,50	6,50	
31	1931	Phan Văn Thành	Nam	27/04/1996	9,00	6,50	7,50	
32	1932	Phạm Đăng Thắng	Nam	12/09/1998	6,00	6,50	7,50	
33	1933	Phạm Vũ Minh Thắng	Nam	26/04/1997	9,50	7,00	8,00	

Hà Nội, ngày 27 tháng 09 năm 2019

T.L HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG KHẢO THÍ VÀ ĐBCLĐT

TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI

PGS.TS. Nguyễn Thị Hoà

TRƯỜNG ĐẠI HỌC GTVT
HĐTS LIÊN THÔNG, BẰNG HAI

KẾT QUẢ THI TUYỂN SINH
HỆ LIÊN THÔNG CHÍNH QUY NĂM 2019

Ngành/ Chuyên ngành: Công nghệ thông tin, Công nghệ chế tạo cơ khí
Phòng thi số: 02 Địa điểm: P.702 Nhà A2

STT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Môn Toán	Môn Cơ sở	Môn Chuyên ngành	Ghi chú
1	1934	Chu Thị Hà Thu	Nữ	02/09/1996	9,50	5,00	7,00	
2	1935	Bùi Xuân Toàn	Nam	26/12/1995	9,50	5,50	7,50	
3	1936	Nguyễn Thị Trang	Nữ	17/03/1997	9,50	5,50	7,50	
4	1937	Trần Thị Quỳnh Trang	Nữ	11/07/1998	9,50	5,50	6,50	
5	1938	Trần Tiến Triều	Nam	13/01/1989	7,50	5,00	6,50	
6	1939	Hoàng Bá Tùng	Nam	01/10/1992	7,50	5,00	8,00	
7	1940	Đào Văn Tuyên	Nam	17/06/1998	7,50	5,00	7,50	
8	1941	Phùng Thị Tuyết	Nữ	10/12/1991	8,50	5,50	7,50	
9	1942	Tạ Đình Vinh	Nam	20/11/1998	8,00	5,00	6,00	
10	1943	Đỗ Việt Vũ	Nam	02/12/1998	8,00	5,50	6,50	
11	1944	Phạm Công Bách	Nam	31/05/1998	8,00	5,00	6,00	
12	1945	Đoàn Hữu Bằng	Nam	09/12/1998	8,00	5,50	5,25	
13	1946	Phạm Qúi Công	Nam	15/04/1998	6,50	5,00	5,75	
14	1947	Trịnh Minh Duy	Nam	25/04/1998	7,50	5,00	5,50	
15	1948	Hoàng Trung Điệp	Nam	01/09/1997	9,50	5,50	6,25	
16	1949	Nguyễn Thành Đức	Nam	14/08/1998	9,50	5,50	5,75	
17	1950	Chu Xuân Hải	Nam	06/09/1993	9,50	5,00	5,50	
18	1951	Nguyễn Bật Hưng	Nam	21/09/1997	9,00	5,50	5,50	
19	1952	Phí Mạnh Hưng	Nam	17/02/1997	9,00	5,00	7,25	
20	1953	Lê Duy Khánh	Nam	05/09/1993	7,00	4,00	7,75	
21	1954	Nguyễn Quốc Khánh	Nam	09/08/1997	8,00	5,00	6,75	
22	1955	Nguyễn Văn Lãm	Nam	20/06/1997	6,50	5,00	7,75	
23	1956	Bùi Xuân Lợi	Nam	15/05/1997	9,50	5,00	5,50	
24	1957	Nguyễn Duy Lực	Nam	16/12/1997	8,00	6,50	6,50	
25	1958	Nguyễn Qúi Sang	Nam	16/08/1998	7,50	5,50	7,25	
26	1959	Trần Văn Sâm	Nam	05/02/1998	8,00	5,00	5,25	
27	1960	Phạm Văn Tạo	Nam	04/07/1998	8,00	5,00	6,25	
28	1961	Đầu Khắc Thành	Nam	08/07/1998	8,50	5,00	6,00	
29	1962	Đặng Việt Thịnh	Nam	27/07/1998	8,00	5,00	5,75	
30	1963	Phí Biên Thùy	Nam	22/08/1994	8,00	5,00	6,25	
31	1964	Lương Hữu Thường	Nam	09/11/1997	8,00	6,00	7,00	
32	1965	Quan Văn Tú	Nam	19/08/1997	9,00	5,00	6,50	
33	1966	Phạm Thế Tùng	Nam	30/07/1996	9,50	6,00	7,25	

Hà Nội, ngày 27 tháng 09 năm 2019
T.L HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG KHẢO THÍ VÀ ĐBCLĐT

TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI

PGS.TS. Nguyễn Thị Hoà

TRƯỜNG ĐẠI HỌC GTVT
HĐTS LIÊN THÔNG, BẰNG HAI

KẾT QUẢ THI TUYỂN SINH
HỆ LIÊN THÔNG CHÍNH QUY NĂM 2019

Chuyên ngành: Cơ khí ô tô
Phòng thi số: 03

Địa điểm: P.704 Nhà A2

STT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Môn Toán	Môn Cơ sở	Môn Chuyên ngành	Ghi chú
1	1967	Doãn Lâm Quang Anh	Nam	19/05/19998	8,50	5,00	5,50	
2	1968	Trần Trọng Hoàng Anh	Nam	25/09/1998	8,00	5,00	5,50	
3	1969	Đinh Văn Bằng	Nam	03/09/1998	8,50	5,50	5,25	
4	1970	Trịnh Thanh Bình	Nam	19/08/1998	8,00	5,00	5,25	
5	1971	Nguyễn Đức Cường	Nam	04/06/1994				
6	1972	Tô Mạnh Cường	Nam	07/11/1996				
7	1973	Nguyễn Văn Dũng	Nam	30/12/1998	8,00	6,50	5,75	
8	1974	Nguyễn Trường Dương	Nam	28/02/1998	8,00	6,00	5,50	
9	1975	Hoàng Quốc Đại	Nam	20/10/1998	9,00	7,00	5,75	
10	1976	Mai Thành Đạt	Nam	20/04/1993	8,00	7,00	5,50	
11	1977	Đặng Văn Điền	Nam	06/05/1998	7,50	5,00	3,75	
12	1978	Nguyễn Văn Điền	Nam	11/12/1981	7,00	6,50	4,00	
13	1979	Nguyễn Đức Đông	Nam	28/04/1997	9,50	6,00	4,25	
14	1980	Đồng Hữu Đức	Nam	18/06/1996	8,50	6,00	5,75	
15	1981	Lương Quang Đức	Nam	19/09/1998	7,50	5,50	6,00	
16	1982	Nguyễn Bá Đức	Nam	01/05/1997	5,00	5,00	5,50	
17	1983	Lê Tiến Hải	Nam	25/09/1998	9,50	6,00	5,00	
18	1984	Lưu Ngọc Hải	Nam	01/05/1998	9,50	7,00	5,50	
19	1985	Vũ Văn Hải	Nam	13/06/1992	8,00	6,50	4,50	
20	1986	Hàn Trung Hiếu	Nam	11/02/1994	7,00	5,00	4,25	
21	1987	Nguyễn Văn Hoàng	Nam	14/09/1997	9,50	7,00	5,50	
22	1988	Nguyễn Việt Hoàng	Nam	19/04/1998	8,50	6,00	5,50	
23	1989	Phạm Văn Huy	Nam	22/11/1998	9,00	6,50	5,75	
24	1990	Dương Văn Hưng	Nam	29/11/1998	9,00	7,00	5,25	
25	1991	Lê Thanh Hưng	Nam	30/10/1998	9,00	7,00	5,50	
26	1992	Lê Quốc Khanh	Nam	30/11/1998	9,50	6,00	4,75	
27	1993	Nguyễn Ngọc Khánh	Nam	02/09/1995	8,00	6,50	5,25	
28	1994	Đặng Trung Kiên	Nam	28/02/1997	7,50	7,00	5,25	
29	1995	Đàm Tùng Lâm	Nam	03/05/1998	7,50	5,00	5,75	
30	1996	Nguyễn Văn Linh	Nam	24/04/1998	7,00	7,50	5,25	

Hà Nội, ngày 27 tháng 09 năm 2019

T.L HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG KHẢO THÍ VÀ ĐBCLĐT

TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI

PGS.TS. Nguyễn Thị Hoà

TRƯỜNG ĐẠI HỌC GTVT
HĐTS LIÊN THÔNG, BẰNG HAI

KẾT QUẢ THI TUYỂN SINH
HỆ LIÊN THÔNG CHÍNH QUY NĂM 2019

Chuyên ngành: Cơ khí ô tô
Phòng thi số: 04

Địa điểm: P.705 Nhà A2

STT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Môn Toán	Môn Cơ sở	Môn Chuyên ngành	Ghi chú
1	1997	Trương Thế Lĩnh	Nam	11/08/1995	8,00	5,00	5,00	
2	1998	Trần Văn Lợi	Nam	15/11/1997	8,00	6,50	6,00	
3	1999	Nguyễn Văn Mạnh	Nam	13/08/1998	7,50	6,50	5,75	
4	2000	Hoàng Trọng Minh	Nam	03/03/1998	7,50	5,50	6,25	
5	2001	Nguyễn Hồng Minh	Nam	18/08/1998	5,00	5,00	5,75	
6	2002	Phạm Công Minh	Nam	26/01/1996	7,50	5,00	6,00	
7	2003	Nguyễn Văn Nam	Nam	08/04/1998	5,50	5,50	6,00	
8	2004	Phạm Cao Nguyên	Nam	08/12/1997	6,00	6,00	6,25	
9	2005	Nguyễn Thế Nhàn	Nam	15/07/1998	5,50	5,50	6,25	
10	2006	Nguyễn Tiến Phong	Nam	07/01/1998	6,00	6,50	5,75	
11	2007	Lưu Hoàng Quý	Nam	08/12/1998	7,50	7,00	6,25	
12	2008	Hoàng Đình Sáu	Nam	10/05/1986				
13	2009	Đào Thanh Sơn	Nam	06/03/1998	9,50	6,00	6,25	
14	2010	Nguyễn Hồng Sơn	Nam	13/12/1997	7,50	5,00	5,25	
15	2011	Lê Văn Tâm	Nam	09/08/1997	6,00	5,00	5,00	
16	2012	Hoàng Cao Thiêm	Nam	27/04/1998	5,00	6,50	5,25	
17	2013	Đinh Xuân Tiến	Nam	06/07/1998	6,00	5,00	4,50	
18	2014	Phùng Văn Tiến	Nam	18/11/1996	5,00	5,00	4,00	
19	2015	Phạm Văn Trọng	Nam	02/11/1998	5,50	5,00	3,75	
20	2016	Đinh Văn Trương	Nam	24/02/1997				
21	2017	Nguyễn Quang Trường	Nam	26/09/1998	9,50	6,50	4,75	
22	2018	Mai Quang Tú	Nam	28/05/1998	8,50	5,00	4,75	
23	2019	Ngô Mạnh Tuấn	Nam	04/07/1998	5,00	6,00	5,50	
24	2020	Phạm Anh Tuấn	Nam	28/09/1994	6,50	6,00	4,50	
25	2021	Trần Xuân Tùng	Nam	05/06/1996	5,00	5,50	5,00	
26	2022	Lê Huy Tự	Nam	14/05/1994	5,00	6,50	5,00	
27	2023	Đặng Anh Văn	Nam	18/02/1996	5,50	6,50	5,25	
28	2024	Trần Đình Văn	Nam	23/12/1998	5,50	5,00	4,00	
29	2025	Nguyễn Đức Vượng	Nam	01/08/1997	5,50	5,50	4,00	

Hà Nội, ngày 27 tháng 09 năm 2019

T.L HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG KHẢO THÍ VÀ ĐBCLĐT

TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI

PGS.TS. Nguyễn Thị Hoà

TRƯỜNG ĐẠI HỌC GTVT
HĐTS LIÊN THÔNG, BẰNG HAI

KẾT QUẢ THI TUYỂN SINH
HỆ LIÊN THÔNG CHÍNH QUY NĂM 2019

Chuyên ngành: Trang bị điện trong CN và GTVT

Phòng thi số: 05

Địa điểm: P.604 Nhà A2

STT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Môn Toán	Môn Cơ sở	Môn Chuyên ngành	Ghi chú
1	2026	Hoàng Ngọc An	Nam	30/05/1998	9,00	8,25	8,00	
2	2027	Nguyễn Hữu An	Nam	16/02/1998	9,50	8,75	8,00	
3	2028	Bùi Đức Anh	Nam	09/07/1998	9,00	8,75	8,50	
4	2029	Nguyễn Ngọc Anh	Nam	24/12/1997	8,50	8,25	9,00	
5	2030	Lý Xuân Chiến	Nam	12/01/1988	8,50	8,75	8,50	
6	2031	Hồ Ngọc Cương	Nam	29/12/1996	8,50	8,75	6,50	
7	2032	Hoàng Văn Dũng	Nam	05/04/1998	8,50	8,75	8,50	
8	2033	Nguyễn Hữu Dũng	Nam	03/07/1995	8,00	8,25	9,00	
9	2034	Vũ Văn Đạt	Nam	31/10/1996	8,00	8,00	9,00	
10	2035	Vũ Văn Giang	Nam	06/09/1990	9,50	7,25	9,50	
11	2036	Dương Văn Hà	Nam	04/02/1997	9,50	8,75	8,00	
12	2037	Đỗ Xuân Hảo	Nam	11/11/1992	9,00	9,00	7,00	
13	2038	Trần Ngọc Hiện	Nam	08/06/1998				
14	2039	Nguyễn Doãn Hiệp	Nam	23/05/1998	8,00	8,75	9,00	
15	2040	Nguyễn Đức Hiếu	Nam	15/06/1998	8,00	8,00	9,00	
16	2041	Nguyễn Huy Hiếu	Nam	12/02/1998	8,50	8,00	9,00	
17	2042	Vũ Trung Hiếu	Nam	08/06/1997				
18	2043	Đỗ Văn Hoàng	Nam	04/08/1996	8,50	9,00	6,50	
19	2044	Mai Việt Hoàng	Nam	17/10/1997	8,00	8,75	6,50	
20	2045	Nguyễn Khắc Hùng	Nam	22/03/1998	8,50	8,50	8,00	
21	2046	Trần Văn Hùng	Nam	29/09/1987	8,50	9,25	9,00	
22	2047	Nguyễn Ngọc Hướng	Nam	29/03/1983	8,50	8,50	9,00	
23	2048	Nguyễn Ngọc Khánh	Nam	15/08/1995	6,00	7,00	6,00	
24	2049	Doãn Thành Lâm	Nam	15/03/1997	6,00	6,75	6,00	
25	2050	Ngô Văn Liên	Nam	19/04/1995	5,50	8,25	9,00	
26	2051	Nguyễn Tuấn Linh	Nam	21/07/1995	6,50	8,25	6,00	
27	2052	Chu Văn Mạnh	Nam	15/01/1988	6,00	7,75	9,00	
28	2053	Nguyễn Thế Minh	Nam	04/02/1998	8,00	9,00	8,00	
29	2054	Trịnh Công Minh	Nam	28/12/1997	8,50	8,50	7,50	
30	2055	Đỗ Tiến Nam	Nam	05/01/1996	7,50	8,50	8,50	
31	2056	Thạch Văn Nguyên	Nam	09/09/1998	6,50	8,75	6,50	
32	2057	Từ Quang Nhanh	Nam	16/08/1998	6,00	8,50	8,00	
33	2058	Hoàng Minh Quân	Nam	21/10/1998	6,00	8,50	7,50	
34	2059	Nguyễn Văn Quý	Nam	20/04/1998	5,50	8,25	8,00	
35	2060	Đỗ Tiến Sỹ	Nam	28/02/1994	5,00	7,50	8,00	
36	2061	Nguyễn Văn Tặng	Nam	07/02/1998	7,00	9,50	8,50	
37	2062	Bùi Quang Thịnh	Nam	13/11/1996	5,50	8,25	8,00	
38	2063	Đỗ Trung Thông	Nam	21/11/1997	6,00	9,25	8,00	
39	2064	Lưu Quang Thuận	Nam	28/07/1994	6,50	8,75	7,50	

Hà Nội, ngày 27 tháng 09 năm 2019

T.L HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG KHẢO THÍ VÀ ĐBCLĐT

TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI

PGS.TS. Nguyễn Thị Hoà

TRƯỜNG ĐẠI HỌC GTVT
HĐTS LIÊN THÔNG, BẰNG HAI

KẾT QUẢ THI TUYỂN SINH
HỆ LIÊN THÔNG CHÍNH QUY NĂM 2019

Chuyên ngành: Trang bị điện trong CN và GTVT, Kỹ thuật viễn thông

Phòng thi số: 06 Địa điểm: P.602 Nhà A2

STT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Môn Toán	Môn Cơ sở	Môn Chuyên ngành	Ghi chú
1	2065	Nguyễn Tuấn Thùy	Nam	12/12/1993	7,00	8,75	9,00	
2	2066	Nguyễn Quốc Toàn	Nam	22/06/1994	6,50	8,75	9,00	
3	2067	Đào Quang Trung	Nam	28/10/1997				
4	2068	Phạm Văn Tú	Nam	07/07/1998	7,00	8,50	8,50	
5	2069	Vũ Anh Tú	Nam	23/03/1996	7,00	9,25	8,50	
6	2070	Trần Anh Tuấn	Nam	19/06/1996	6,50	9,00	8,50	
7	2071	Đinh Thanh Tùng	Nam	17/10/1996	6,50	8,50	8,50	
8	2072	Vũ Thanh Tùng	Nam	15/10/1998	6,00	7,00	7,50	
9	2073	Lê Phú Văn	Nam	08/12/1998	5,50	8,00	7,00	
10	2074	Nguyễn Hoàng Việt	Nam	21/05/1998	6,50	8,75	5,50	
11	2075	Lăng Hoàng Anh	Nam	24/09/1997	7,50	6,50	7,00	
12	2076	Đặng Đức Cường	Nam	18/01/1997	6,50	6,00	7,50	
13	2077	Ngô Quý Độ	Nam	10/07/1994	5,50	5,50	8,00	
14	2078	Nguyễn Viết Hải	Nam	22/04/1995	6,50	5,00	7,50	
15	2079	Nguyễn Đăng Hiếu	Nam	21/09/1986	5,00	6,50	7,00	
16	2080	Trịnh Xuân Hinh	Nam	19/06/1995	5,50	6,50	7,00	
17	2081	Hoàng Minh Hướng	Nam	05/10/1996	5,00	6,50	7,50	
18	2082	Nguyễn Xuân Khôi	Nam	31/10/1993	5,00	6,00	7,50	
19	2083	Trần Đức Nam	Nam	18/03/1998	5,50	6,00	7,50	
20	2084	Đỗ Thị Tố Như	Nữ	21/10/1998	6,50	6,50	7,25	
21	2085	Hoàng Văn Pháp	Nam	16/03/1998	6,50	5,00	8,00	
22	2086	Ngô Thành Quân	Nam	12/05/1993	5,00	6,00	8,00	
23	2087	Nguyễn Ngọc Tam	Nam	10/08/1997	6,50	6,50	6,50	
24	2088	Ngô Minh Tâm	Nam	09/08/1997	7,00	5,50	7,50	
25	2089	Đỗ Văn Tú	Nam	13/06/1990	5,50	5,50	8,50	
26	2090	Trần Ngọc Vịnh	Nam	23/11/1992	5,00	5,50	8,50	

Hà Nội, ngày 27 tháng 09 năm 2019

T.L HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG KHẢO THÍ VÀ ĐBCLĐT

TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI

PGS.TS Nguyễn Thị Hoà

TRƯỜNG ĐẠI HỌC GTVT
HĐTS LIÊN THÔNG, BẰNG HAI

KẾT QUẢ THI TUYỂN SINH
HỆ LIÊN THÔNG CHÍNH QUY NĂM 2019

Chuyên ngành: Kỹ thuật nhiệt lạnh
Phòng thi số: 07

Địa điểm: P.605 Nhà A2

STT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Môn Toán	Môn Cơ sở	Môn Chuyên ngành	Ghi chú
1	2091	Trần Văn Chiến	Nam	28/03/1998	9,00	5,00	8,50	
2	2092	Lê Anh Dũng	Nam	26/05/1980	8,50	6,50	6,50	
3	2093	Trần Anh Dũng	Nam	09/01/1998	7,00	7,50	9,50	
4	2094	Phạm Văn Đạt	Nam	18/08/1998	7,00	8,50	9,50	
5	2095	Nguyễn Trung Đô	Nam	01/05/1998	8,50	7,50	7,75	
6	2096	Phạm Quang Đức	Nam	28/10/1998	6,00	6,50	8,50	
7	2097	Đào Việt Hà	Nam	09/04/1982	9,50	5,00	8,50	
8	2098	Nguyễn Ngọc Hải	Nam	14/11/1994	8,50	7,50	7,00	
9	2099	Nguyễn Mạnh Hào	Nam	13/11/1998	8,50	7,50	7,00	
10	2100	Nguyễn Hữu Hậu	Nam	28/03/1996	8,50	7,00	6,00	
11	2101	Vũ Minh Hiếu	Nam	21/07/1992	7,00	7,50	9,50	
12	2102	Lã Xuân Hòa	Nam	13/10/1995	7,00	5,50	9,50	
13	2103	Trần Văn Hoàng	Nam	07/01/1998	7,50	6,00	7,00	
14	2104	Nguyễn Văn Hỏi	Nam	06/02/1997	7,00	7,00	6,00	
15	2105	Dương Văn Huấn	Nam	31/12/1997	8,50	6,00	5,00	
16	2106	Dương Quốc Hưng	Nam	09/09/1992	9,50	8,00	8,50	
17	2107	Nguyễn Đăng Hưng	Nam	27/03/1996	8,00	8,00	8,50	
18	2108	Tạ Trung Kiên	Nam	07/03/1998	9,50	6,00	9,50	
19	2109	Phạm Tiến Lộc	Nam	08/04/1996	7,50	5,00	7,00	
20	2110	Nguyễn Văn Minh	Nam	16/01/1998	7,50	5,50	7,00	
21	2111	Ngô Văn Nam	Nam	05/10/1992	8,50	6,00	8,00	
22	2112	Lê Hồng Ngọc	Nam	13/11/1980	8,50	6,00	8,00	
23	2113	Nguyễn Quốc Nhật	Nam	20/03/1998	9,50	8,50	8,25	
24	2114	Nguyễn Văn Quang	Nam	01/01/1997	9,00	8,00	7,75	
25	2115	Hoàng Đỗ Quyết	Nam	04/03/1998	9,50	8,00	7,50	
26	2116	Nguyễn Văn Sang	Nam	25/12/1992	9,50	5,50	8,00	
27	2117	Kiều Hồng Sơn	Nam	21/12/1998	8,50	5,50	7,50	
28	2118	Nguyễn Đức Toàn	Nam	30/01/1998	8,00	5,50	7,00	
29	2119	Nguyễn Thành Trung	Nam	28/02/1998	7,50	8,00	9,00	
30	2120	Trịnh Xuân Trường	Nam	13/04/1998	7,50	8,00	9,00	
31	2121	Cam Văn Yên	Nam	06/11/1997	8,00	5,00	8,00	
32	2122	Nguyễn Tiến Yên	Nam	10/02/1998	9,50	5,50	8,50	

Hà Nội, ngày 27 tháng 09 năm 2019

T.L HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG KHẢO THÍ VÀ ĐBCLĐT

TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI

PGS.TS. Nguyễn Thị Hoà

TRƯỜNG ĐẠI HỌC GTVT
HĐTS LIÊN THÔNG, BẰNG HAI

KẾT QUẢ THI TUYỂN SINH
HỆ LIÊN THÔNG CHÍNH QUY NĂM 2019

Chuyên ngành: XD.Cầu đường bộ, XD.Dân dụng và công nghiệp

Phòng thi số: 03 Địa điểm: Phân hiệu trường ĐHGTVT tại TP.HCM

STT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Môn Toán	Môn Cơ sở	Môn Chuyên ngành	Ghi chú
1	7001	Trần Xuân Bách	Nam	12/08/1998	5,00	6,00	7,50	
2	7002	Nguyễn Tuấn Bảo	Nam	26/04/1992	5,00	6,00	7,50	
3	7003	Lưu Hải Dương	Nam	21/04/1993				
4	7004	Phạm Long Hoài	Nam	27/07/1994	5,00	5,50	7,00	
5	7005	Nguyễn Văn Khánh	Nam	06/05/1998	5,00	5,50	5,50	
6	7006	Nguyễn Cà Lơ	Nam	10/07/1993	5,00	5,00	7,00	
7	7007	Nguyễn Hữu Minh	Nam	15/01/1994	5,00	6,00	6,00	
8	7008	Đỗ Minh Nghĩa	Nam	01/06/1994	5,00	6,00	7,00	
9	7009	Nguyễn Hoàng Nhân	Nam	1994	5,00	5,00	7,50	
10	7010	Nguyễn Thanh Quang	Nam	25/10/1997				
11	7011	Tống Anh Quốc	Nam	23/09/1998	5,00	5,50	7,50	
12	7012	Đinh Ngọc Quyền	Nam	10/03/1992				
13	7013	Đàm Văn Sơn	Nam	01/02/1994				
14	7014	Trần Quyết Thắng	Nam	19/10/1992	5,00	6,00	6,50	
15	7015	Bùi Di Thức	Nam	05/01/1993	5,00	6,00	6,50	
16	7016	Lê Công Trình	Nam	25/07/1992	5,00	6,00	7,00	
17	7017	Phan Ngọc Việt	Nam	03/08/1982	5,00	6,00	5,50	
18	7018	Đặng Nhật Vương	Nam	15/02/1991	5,00	6,00	7,00	
19	7019	Trần Thanh Bình	Nam	15/09/1995	5,00	6,00	7,50	
20	7020	Nguyễn Thanh Bình	Nam	12/08/1994	5,00	8,00	8,00	
21	7021	Nguyễn Công Chinh	Nam	02/03/1994	5,00	8,00	8,00	
22	7022	Võ Trường Giang	Nam	22/11/1993	5,50	7,50	7,50	
23	7023	Nguyễn Quốc Hải	Nam	10/09/1994	5,00	7,00	7,50	
24	7024	Lê Bạch Hoạt	Nam	28/09/1986	5,00	8,00	8,00	
25	7025	Trần Phi Hùng	Nam	19/09/1991	5,00	8,00	8,00	
26	7026	Lê Bá Thanh Lâm	Nam	22/02/1996	5,00	8,00	7,00	
27	7027	Nguyễn Thanh Luyện	Nam	16/02/1993	5,00	8,50	7,00	
28	7028	Đỗ Tấn Phát	Nam	05/05/1993				
29	7029	Huỳnh Tấn Phúc	Nam	24/01/1994	5,00	7,50	6,50	
30	7030	Nguyễn Văn Thông	Nam	30/11/1990				
31	7031	Nguyễn Hòa Thuận	Nam	02/03/1992	5,00	7,50	7,00	
32	7032	Mạc Văn Tiên	Nam	08/06/1992	5,00	6,00	7,00	
33	7033	Thới Công Toại	Nam	29/06/1995				
34	7034	Hoàng Văn Trà	Nam	20/07/1994	5,00	6,50	7,50	
35	7035	Nguyễn Hoàng Vũ	Nam	02/06/1991	5,00	7,00	7,00	

Hà Nội, ngày 30 tháng 09 năm 2019

T.L HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG KHẢO THÍ VÀ ĐBCLĐT

TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI

PGS.TS. Nguyễn Thị Hoà